

2239
Số: /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý điều tra cơ bản
ngành nông nghiệp và PTNT

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 720/QĐ-BNN-KH ngày 17/03/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu VT, KH.



QUY ĐỊNH

Về quản lý điều tra cơ bản ngành

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2239/QĐ-BNN-KH

ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định việc quản lý công tác điều tra cơ bản ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn, sau đây gọi chung là ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia quản lý, thực hiện dự án điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý được quy định tại Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Ngành nông nghiệp và PTNT" được hiểu bao gồm các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn.

2. "Điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT" là việc tiến hành điều tra thu thập thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên, kinh tế, khoa học kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội, quản lý và chính sách, môi trường và các vấn đề khác của ngành nông nghiệp và PTNT.

3. "Kết quả điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT" là sản phẩm của quá trình điều tra thu thập thông tin, số liệu, xử lý phân tích số liệu đưa ra kết luận và đề xuất phục vụ cho việc ra quyết định quản lý, xây dựng chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển ngành.

4. "Quản lý công tác điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT" là toàn bộ hoạt động bao gồm: lựa chọn dự án điều tra cơ bản; thẩm định, phê duyệt Đề

cương - Dự toán; tuyển chọn đơn vị tư vấn; kiểm tra giám sát quá trình điều tra cơ bản; thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản; quyết toán kinh phí; quản lý và sử dụng kết quả điều tra cơ bản.

5. “Cơ quan quản lý dự án” là các cơ quan quản lý nhà nước được Bộ giao quản lý dự án điều tra cơ bản theo phân công tại khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

6. “Đơn vị tư vấn điều tra cơ bản” là tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân về hoạt động điều tra cơ bản, có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện dự án điều tra cơ bản theo yêu cầu và hoạt động theo quy định của pháp luật.

7. “Tuyển chọn tư vấn điều tra cơ bản” là quá trình tuyển chọn đơn vị tư vấn thực hiện dự án điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT đáp ứng các quy định hiện hành và yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

8. “Hồ sơ mời thầu tư vấn thực hiện điều tra cơ bản” là toàn bộ tài liệu do cơ quan mời thầu lập như hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu trong trường hợp thực hiện chỉ định thầu) gồm các yêu cầu cho công việc tư vấn thực hiện điều tra cơ bản làm căn cứ pháp lý để đơn vị tư vấn chuẩn bị hồ sơ tham dự tuyển chọn.

9. “Hồ sơ tham dự tuyển chọn tư vấn” là các tài liệu do đơn vị tư vấn tham dự thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu tư vấn.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc quản lý công tác điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT

1. Tạo một cơ chế quản lý công tác điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, không ngừng nâng cao chất lượng công tác điều tra cơ bản, khắc phục tình trạng thông tin không đáp ứng kịp thời, kém chất lượng, gây lãng phí nguồn lực.

2. Tăng cường trách nhiệm các cơ quan quản lý ngành, khắc phục sự trùng lặp, thiếu tính hệ thống, thống nhất cơ quan quản lý đầu mối gắn với phân cấp quản lý công tác điều tra cơ bản.

3. Phân rõ chức năng và trách nhiệm của cơ quan tư vấn với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra cơ bản. Tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức tư vấn trong tất cả các khu vực vào quá trình lựa chọn danh mục dự án, tuyển chọn tư vấn, thẩm định Đề cương - Dự toán và thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản.

4. Đảm bảo có đủ thông tin kịp thời, chính xác, đáp ứng công tác quản lý, xây dựng chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển ngành. Điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT để bổ sung, cung cấp kịp thời, chi tiết các thông tin mà số liệu thống kê Quốc gia, đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án quy hoạch và dự án đầu tư chưa giải quyết.

5. Không ngừng nâng cao chất lượng thông tin, số liệu điều tra cơ bản, phù hợp với hệ thống thống kê Quốc gia, kết quả đề tài nghiên cứu cơ bản, quy hoạch, đầu tư trong ngành nông nghiệp và PTNT.

6. Đảm bảo nguyên tắc công khai, trung thực, sử dụng có hiệu quả kết quả điều tra cơ bản đồng thời đảm bảo bí mật thông tin theo qui định.

Điều 4. Phân loại điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT

1. Theo nội dung điều tra có thể chia làm 2 loại:

- Điều tra tổng hợp nhằm thu thập thông tin số liệu về nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu đa dạng;

- Điều tra chuyên đề nhằm thu thập thông tin số liệu về một ngành, một lĩnh vực, một vấn đề cụ thể.

2. Theo chu kỳ điều tra có thể phân làm 2 loại:

- Điều tra cơ bản thường xuyên là loại điều tra có tính chất thường xuyên theo định kỳ nhằm mục đích phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch 5 năm, hàng năm; giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm; và để cập nhật số liệu thống kê chuyên ngành theo định kỳ;

- Điều tra cơ bản không thường xuyên là loại điều tra theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu quản lý, xây dựng chính sách, đề xuất cơ chế, ra quyết định ứng phó với những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý điều hành ngành nông nghiệp và PTNT.

Chương II

PHÂN CẤP, PHÂN CÔNG QUẢN LÝ

Điều 5. Phân cấp quản lý điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT giữa Bộ và địa phương

1. Điều tra cơ bản do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện và quản lý:

Các điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT đáp ứng mục tiêu quản lý của Chính phủ, của Bộ trên phạm vi cả nước, vùng kinh tế - xã hội, vùng lãnh thổ đặc biệt, vùng hoặc lưu vực sông thuộc địa phận nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoặc các điều tra cơ bản có quy mô nhỏ, thuộc địa phận một Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quản lý ngành theo yêu cầu của Chính phủ hay của Bộ.

2. Điều tra cơ bản do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện và quản lý:

Các điều tra cơ bản để đáp ứng yêu cầu quản lý ngành ở địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp quyết định nội dung và ngân sách cho các điều tra cơ bản này.

Điều 6. Phân công và phân cấp quản lý điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT tại Bộ Nông nghiệp và PTNT

1. Phân công quản lý các dự án điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT tại Bộ được căn cứ vào chức năng nhiệm vụ quản lý của các Tổng cục, Cục, Vụ trực thuộc Bộ:

a) Các dự án điều tra tổng hợp toàn ngành, điều tra chỉ tiêu đa ngành, đa lĩnh vực do Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm quản lý.

b) Các dự án điều tra cơ bản chuyên ngành, chuyên lĩnh vực do Tổng cục, Cục chuyên ngành trực thuộc Bộ quản lý.

Việc phân công quản lý đối với từng dự án điều tra cơ bản cụ thể sẽ do Bộ quyết định.

2. Phân cấp quản lý điều tra cơ bản tại Bộ Nông nghiệp và PTNT:

a) Phân cấp cho các Tổng cục:

Bộ ủy quyền cho Tổng cục chịu trách nhiệm tất cả các khâu trong quá trình quản lý dự án điều tra cơ bản, cụ thể:

- Quyết định: thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán; phê duyệt Đề cương - Dự toán tổng thể và Đề cương - Dự toán chi tiết hàng năm;

- Quyết định phê duyệt: Kế hoạch đấu thầu; Hồ sơ mời tư vấn điều tra cơ bản; Tổ đánh giá Hồ sơ tham dự tư vấn; Kết quả lựa chọn tư vấn;

- Quyết định: thành lập Hội đồng thẩm định nghiệm thu kết quả điều tra; phê duyệt nghiệm thu kết quả điều tra;

- Thẩm định và phê duyệt quyết toán hàng năm và quyết toán hoàn thành dự án.

b) Phân cấp cho các Cục/Vụ:

Bộ ủy quyền cho các Cục/Vụ quản lý dự án điều tra cơ bản chịu trách nhiệm tất cả các khâu trong quá trình quản lý dự án điều tra cơ bản như đối với các Tổng cục, trừ việc phê duyệt quyết toán hàng năm và phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án.

Điều 7. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch.

1. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản dài hạn và hàng năm;

2. Tổng hợp trình Bộ phê duyệt danh mục dự án mở mới và thông báo cho các Tổng cục, Cục, Vụ liên quan biết để quản lý thực hiện;

3. Tổng hợp trình Bộ phê duyệt phương án phân bổ khung vốn kế hoạch điều tra cơ bản và thông báo cho các Tổng cục/Cục/Vụ để phân bổ chi tiết cho từng dự án; Trình Bộ điều chỉnh kế hoạch kinh phí điều tra cơ bản giữa các đơn vị trên cơ sở tiến độ thực hiện các dự án;

4. Tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện và tình hình quản lý các dự án điều tra cơ bản;

5. Trực tiếp quản lý thực hiện các dự án điều tra cơ bản theo phân công tại mục a khoản 1 Điều 6;

6. Tham gia, phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý các dự án điều tra cơ bản chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục, Cục;

7. Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý các dự án điều tra cơ bản thuộc Bộ.

Điều 8. Trách nhiệm của Vụ Tài chính.

1. Phối hợp với Vụ Kế hoạch trong việc xây dựng và bảo vệ kế hoạch điều tra cơ bản dài hạn và hàng năm với các Bộ liên quan;

2. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý tài chính công tác điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT phù hợp với chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước;

3. Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán điều tra cơ bản, quyết toán hàng năm, quyết toán hoàn thành dự án;

4. Chủ trì thẩm định phê duyệt quyết toán năm, quyết toán hoàn thành các dự án do các Cục, Vụ quản lý;

5. Chủ trì thẩm tra quyết toán của các Tổng cục;

6. Phối hợp với Vụ Kế hoạch và các Tổng cục/Cục quản lý chuyên ngành trong việc thực hiện các công tác quản lý điều tra cơ bản khác.

Điều 9. Trách nhiệm của các Tổng cục, Cục.

1. Đề xuất kế hoạch điều tra cơ bản dài hạn, hàng năm và danh mục dự án điều tra cơ bản mở mới hàng năm để lựa chọn triển khai;

2. Thực hiện chức năng quản lý các dự án điều tra cơ bản theo phân công và phân cấp tại Điều 6;

3. Phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ khác trong việc xem xét nội dung chuyên ngành liên quan của các dự án điều tra cơ bản không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp;

4. Phối hợp với Vụ Kế hoạch và Tài chính để bảo vệ kế hoạch và đề xuất cơ chế quản lý các dự án điều tra cơ bản.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng khác.

1. **Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:** Tham gia các Hội đồng tư vấn; cung cấp thông tin về các đề tài nghiên cứu khoa học cho các Cơ quan quản lý dự án điều tra cơ bản nhằm đảm bảo sự kế thừa, tránh được sự trùng lặp về nội dung giữa các đề tài và dự án điều tra cơ bản.

2. Vụ Hợp tác Quốc tế: có nhiệm vụ vận động, kêu gọi vốn tài trợ cho các dự án điều tra cơ bản, giới thiệu thông tin kết quả điều tra cơ bản được phê duyệt với cộng đồng các nhà tài trợ và các nhà đầu tư quốc tế.

3. Trung tâm Tin học và Thống kê:

- Đề xuất các dự án điều tra cơ bản thường xuyên phục vụ công tác quản lý chỉ đạo điều hành của Bộ;

- Hướng dẫn các Cơ quan quản lý dự án xây dựng phương án điều tra và trình Bộ lấy ý kiến thẩm định của Tổng cục Thống kê đối với các dự án điều tra thống kê; Hỗ trợ thẩm định phương pháp thống kê trong điều tra cơ bản; Hướng dẫn và hỗ trợ công nghệ tin học trong xử lý kết quả điều tra, chuẩn hoá cơ sở dữ liệu;

- Lưu trữ tài liệu điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT đã được phê duyệt; cập nhật các thông tin kết quả điều tra cơ bản đã nghiệm thu vào cơ sở dữ liệu của Bộ.

4. Các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu ngành nông nghiệp và PTNT: Tham gia tuyển chọn tư vấn, tham gia các Hội đồng tư vấn (khi không trực tiếp tham gia tư vấn điều tra cơ bản); đề xuất danh mục các dự án điều tra cơ bản mới.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân tư vấn điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT.

1. Đơn vị, cá nhân tư vấn nếu đủ điều kiện có thể được chọn làm tư vấn trong các khâu sau: chuẩn bị Đề cương - Dự toán, thẩm định Đề cương - Dự toán, chuẩn bị Hồ sơ mời tư vấn ĐTCB, thẩm định Hồ sơ tham dự tư vấn và thực hiện điều tra.

2. Đơn vị, cá nhân tư vấn được tuyển chọn qua đấu thầu, chỉ định thầu hoặc giao nhiệm vụ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn vị tư vấn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác, khách quan đối với năng lực chuyên môn và kết quả điều tra cơ bản. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn điều tra cơ bản được xác định trong hợp đồng tư vấn và quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Căn cứ vào nội dung Đề cương - Dự toán được phê duyệt, Hợp đồng với cơ quan quản lý dự án, đơn vị tư vấn tiến hành các nội dung điều tra cơ bản, báo cáo kết quả theo tiến độ với cơ quan quản lý, trình và báo cáo kết quả dự án điều tra cơ bản trước Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản, báo cáo và quyết toán kinh phí thực hiện dự án điều tra cơ bản theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

Điều 12. Hội đồng tư vấn

1. Các Hội đồng tư vấn và chức năng

Có 2 loại Hội đồng tư vấn được thành lập:

a/ Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán: có chức năng thẩm định Đề cương - Dự toán các dự án điều tra cơ bản;

b/ Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản: có chức năng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản.

2. Thành phần các Hội đồng tư vấn:

Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán, Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản được thành lập cho từng dự án điều tra cơ bản với thành phần phù hợp với yêu cầu chuyên môn của từng dự án.

Các Hội đồng này có ít nhất 7 thành viên gồm: 1 Chủ tịch Hội đồng, 1 Phó Chủ tịch Hội đồng, 1 thư ký Hội đồng và các thành viên (trong đó có ít nhất 2 phần biện) là đại diện các Tổng cục, Cục, Vụ có liên quan, chuyên gia thống kê, chuyên gia nghiên cứu về ngành nông nghiệp và PTNT của các cơ quan nghiên cứu có liên quan và chuyên gia độc lập.

3. Chi phí hoạt động của các Hội đồng:

Chi phí hoạt động của các Hội đồng được trích trong kinh phí quản lý dự án điều tra cơ bản theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Chương III

TRÌNH TỰ LỰA CHỌN DANH MỤC DỰ ÁN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG-DỰ TOÁN VÀ TUYÊN CHỌN TƯ VẤN THỰC HIỆN ĐIỀU TRA CƠ BẢN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Điều 13. Những căn cứ lựa chọn danh mục dự án điều tra cơ bản

1. Yêu cầu của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ ngành có liên quan về thông tin số liệu phục vụ cho quản lý nhà nước trong ngành nông nghiệp và PTNT, nhưng không thu thập tổng hợp được từ các nguồn số liệu thống kê sẵn có từ các cơ quan.

2. Căn cứ vào danh mục điều tra cơ bản thường xuyên của Bộ, kế hoạch định kỳ điều tra thu thập thông tin số liệu có hệ thống phục vụ cho chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển và xây dựng kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm.

3. Căn cứ vào dự kiến kinh phí điều tra cơ bản hàng năm được Bộ cân đối và phân bổ, các Cơ quan quản lý điều tra cơ bản cân đối kinh phí cho các danh mục điều tra đưa vào kế hoạch theo nguyên tắc phải trả nợ hết cho các dự án đã hoàn thành năm trước, dành vốn cấp đủ cho các dự án chuyển tiếp từ năm trước sang. Nếu còn kinh phí mới mở mới dự án. Số lượng dự án mở mới cần được cân nhắc để đảm bảo có đủ nguồn kinh phí theo tiến độ được duyệt trong Đề cương - Dự toán.

Điều 14. Trình tự và thủ tục đăng ký danh mục dự án điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT

1. Các Tổng cục, Cục, Vụ, các cơ quan nghiên cứu, và các tổ chức khác gửi đề xuất danh mục các dự án điều tra cơ bản mới kèm theo đề cương về Vụ Kế hoạch tổng hợp trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch. Mỗi dự án đề xuất mới có kèm theo đề cương tóm tắt trình bày: mục tiêu thực hiện dự án, đối tượng, phạm vi điều tra, nội dung và các chỉ tiêu thông tin cần thu thập, thời gian tiến hành và mức kinh phí.

2. Vụ Kế hoạch tổng hợp, lựa chọn danh mục dự án mở mới trên cơ sở cân đối kinh phí điều tra cơ bản năm kế hoạch theo Điều 13, đề xuất đơn vị quản lý trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt danh mục trước ngày 30 tháng 7 năm trước năm kế hoạch.

3. Căn cứ danh mục dự án mở mới được phê duyệt, Vụ Kế hoạch thông báo cho các Cơ quan quản lý dự án để tổ chức thực hiện.

Điều 15. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đề cương - Dự toán

1. Cơ quan quản lý dự án tổ chức xây dựng hoặc thuê tư vấn xây dựng Đề cương - Dự toán của các dự án điều tra cơ bản mới được Bộ phê duyệt.

2. Đề cương - Dự toán phải nêu chi tiết mục đích yêu cầu nội dung điều tra, quy mô đối tượng và phạm vi điều tra, xác định cụ thể từng chỉ tiêu cần thu thập, phương pháp điều tra thu thập và xử lý số liệu điều tra, xác định rõ những số liệu nào thu thập tập hợp từ nguồn số liệu sẵn có tại các cơ quan quản lý các cấp, số liệu nào được điều tra thu thập trực tiếp bằng chọn mẫu để làm cơ sở cho lập dự toán và thẩm định nội dung điều tra, nghiệm thu kết quả.

3. Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán sẽ thẩm định Đề cương - Dự toán với toàn bộ nội dung, phương pháp, mẫu biểu thu thập số liệu, mẫu phiếu điều tra và các bảng kết quả đầu ra của cuộc điều tra; thẩm định Dự toán theo phạm vi, đối tượng, khối lượng điều tra, phương pháp thu thập số liệu và xử lý số liệu.

4. Sau khi Đề cương - Dự toán đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán, cơ quan quản lý dự án phê duyệt Đề cương - Dự toán trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

Điều 16. Lập dự toán chi tiết hàng năm

Sau khi có kế hoạch vốn hàng năm được phân bổ, Đơn vị tư vấn thực hiện điều tra cơ bản xây dựng dự toán chi tiết thực hiện hàng năm trình Cơ quan quản lý dự án xem xét, phê duyệt

Trường hợp Đề cương - Dự toán đã được phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán, phân kỳ cho từng năm và đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện thì hàng năm không phải duyệt lại dự toán chi tiết.

Điều 17. Điều chỉnh Đề cương - Dự toán

Trong quá trình thực hiện dự án điều tra cơ bản, nếu phát hiện có những bất hợp lý trong Đề cương - Dự toán hoặc nảy sinh những yếu tố tác động mới buộc phải điều chỉnh Đề cương - Dự toán đã được duyệt, đơn vị tư vấn thực hiện điều tra lập Tờ trình trình cơ quan quản lý dự án xem xét phê duyệt điều chỉnh Đề cương - Dự toán.

Tùy theo nội dung và mức độ điều chỉnh, Cơ quan quản lý dự án quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương - Dự toán điều chỉnh hoặc tự xem xét quyết định điều chỉnh.

Điều 18. Trình tự tổ chức tuyển chọn tư vấn điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT

1. Tuyển chọn tư vấn điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện theo Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội và các quy định hiện hành khác của nhà nước.

2. Cơ quan quản lý dự án phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tổ chức thực hiện kế hoạch đấu thầu.

3. Việc lựa chọn tư vấn thực hiện dự án phải được hoàn thành trước ngày 30 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

Chương IV

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA TIẾN ĐỘ.

Điều 19. Chế độ thông tin báo cáo của cơ quan quản lý dự án

1. Các thông tin sau đây là thông tin bắt buộc phải báo cáo về cơ quan tổng hợp là Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính:

- Quyết định phê duyệt Đề cương - Dự toán;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn thực hiện điều tra cơ bản;
- Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết hàng năm;
- Biên bản kiểm tra tiến độ;
- Quyết định phê duyệt nghiệm thu dự án điều tra cơ bản;
- Quyết định phê duyệt quyết toán hàng năm và quyết toán hoàn thành

2. Các cơ quan quản lý điều tra cơ bản thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự án điều tra cơ bản theo định kỳ quý về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ. Báo cáo quý II thay bằng báo cáo 6 tháng, báo cáo quý IV thay bằng báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo yêu cầu nêu rõ khối lượng công việc đã thực hiện; tình hình giải ngân; những phát sinh, vướng mắc, tồn tại; hướng khắc phục; kế hoạch kỳ tiếp theo; các đề xuất, kiến nghị.

3. Báo cáo gửi trước ngày 25 tháng cuối quý.

Điều 20. Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án điều tra cơ bản

1. Cơ quan quản lý dự án tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án điều tra cơ bản được phân công quản lý.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm: khối lượng công việc đã thực hiện, chất lượng công việc, mức độ thực hiện khối lượng công việc so với tiến độ trong Đề cương được phê duyệt, những vướng mắc và nguyên nhân. Kết quả kiểm tra tiến độ được báo cáo bằng biên bản đánh giá và đề xuất xử lý các phát sinh trình cấp có thẩm quyền xem xét và đồng gửi Vụ Kế hoạch để tổng hợp chung.

3. Định kỳ kiểm tra tiến độ vào tháng 6-7 của năm kế hoạch với dự án kết thúc trong 1 năm; kiểm tra tiến độ 2 kỳ vào tháng 6-7 và tháng 11-12 năm kế hoạch với các dự án thực hiện trong nhiều năm.

4. Vụ Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của các Cơ quan quản lý dự án và tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch điều tra cơ bản của tất cả các đơn vị để làm căn cứ xây dựng kế hoạch năm và phân bổ hoặc điều chỉnh kế hoạch phân bổ kinh phí điều tra cơ bản.

Chương V

THẨM ĐỊNH VÀ NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ BẢN

Điều 21. Chuẩn bị thẩm định kết quả dự án điều tra cơ bản

1. Khi Dự thảo báo cáo kết quả dự án điều tra cơ bản được chuẩn bị xong, đơn vị tư vấn tổ chức tham vấn rộng rãi các cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu, đơn vị sản xuất, địa phương có liên quan, tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở để chỉnh sửa trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

2. Cơ quan quản lý dự án nhận hồ sơ kết quả dự án điều tra cơ bản, xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện, ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản.

3. Hồ sơ trình thẩm định bao gồm:

- a) Tờ trình xin nghiệm thu kết quả thực hiện dự án điều tra cơ bản; → tài vụ
- b) Đề cương - Dự toán được phê duyệt;
- c) Hợp đồng kinh tế và các văn bản, phụ lục kèm theo;
- d) Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở; → sau khi nghiệm thu
- đ) Các biên bản nghiệm thu tiến độ thực hiện dự án điều tra cơ bản;
- e) Sản phẩm giao nộp của dự án điều tra cơ bản theo đề cương được duyệt;
- f) Các văn bản liên quan khác.

4. Trước khi Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản tổ chức hội nghị thẩm định, tùy theo tính chất của mỗi dự án, cơ quan quản lý có

thể thuê tư vấn thẩm tra kết quả hoặc lấy ý kiến góp ý của các cơ quan chuyên môn, địa phương có liên quan và các chuyên gia.

Điều 22. Thẩm định kết quả điều tra cơ bản.

1. Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản có nhiệm vụ thẩm định toàn bộ kết quả dự án điều tra cơ bản, báo cáo kết quả thẩm định lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản làm việc theo nguyên tắc dân chủ, mỗi thành viên đánh giá độc lập các nội dung thẩm định bằng cách cho điểm. Căn cứ kỹ thuật để đánh giá kết quả điều tra là đề cương đã được phê duyệt. Hội đồng nghe chủ nhiệm dự án trình bày nội dung, đối chiếu với các nội dung cụ thể trong đề cương được phê duyệt, ý kiến của cơ quan (hoặc tư vấn) thẩm tra, ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân khác để xem xét đánh giá kết luận từng vấn đề.

3. Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản đưa ra kết luận cuối cùng về báo cáo kết quả điều tra cơ bản theo 3 mức độ:

- Đã hoàn chỉnh, đề nghị phê duyệt: dự án điều tra cơ bản sử dụng phương pháp đúng, các nội dung đã đầy đủ theo đề cương, phương pháp xử lý số liệu đúng, kết quả đưa ra đủ, có độ tin cậy, các nhận xét đánh giá và đề xuất phù hợp, khả thi, có thể chỉ cần bổ sung làm rõ thêm một số vấn đề nhỏ.

- Đạt, cần bổ sung chỉnh sửa một số nội dung: phương pháp chọn mẫu, phương pháp điều tra chưa tối ưu, các nội dung điều tra cơ bản đã thu thập được số liệu nhưng chưa đầy đủ, phương pháp xử lý phân tích số liệu còn có điểm chưa hợp lý, cần phải bổ sung thêm một số nội dung cụ thể, cập nhật thêm số liệu và sử dụng phương pháp phân tích phù hợp hơn để rút ra kết luận, đề xuất phù hợp hơn mới hoàn chỉnh để phê duyệt.

- Không đạt, cần nghiên cứu chuẩn bị lại: tiến hành chọn mẫu hay điều tra không đúng phương pháp, các nội dung điều tra chưa đủ, chưa có đủ các bảng kết quả đầu ra; phương pháp xử lý phân tích số liệu chưa phù hợp, thiếu cơ sở và độ tin cậy thấp; các kết luận, đề xuất không phù hợp hay có mâu thuẫn với thực tế cần phải điều tra bổ sung thêm, xử lý lại số liệu điều tra.

Hội đồng báo cáo kết quả thẩm định với cấp có thẩm quyền bằng biên bản thẩm định để xem xét quyết định.

4. Nội dung thẩm định báo cáo kết quả dự án điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT:

a) Tổng quan về thông tin tài liệu hiện có liên quan đến ngành lĩnh vực trong phạm vi điều tra; cơ sở pháp lý, yêu cầu thực tiễn;

b) Mục tiêu của điều tra đã được giải quyết; Thẩm định toàn bộ khối lượng công việc đã hoàn thành, số biểu mẫu, số phiếu điều tra đã thu thập theo từng đối tượng, địa bàn và nội dung thông tin trong các phiếu theo quy định.

c) Kết quả giải quyết từng nội dung điều tra cụ thể của dự án theo đề cương, nguồn thông tin số liệu thu thập được và kết quả thể hiện trong các bảng đầu ra tập hợp thông tin số liệu;

d) Mức độ phù hợp, mức độ tin cậy và tính chính xác của các phương pháp tiến hành thu thập số liệu, điều tra mẫu, phương pháp xử lý thông tin mà dự án đã tiến hành (kiểm tra nguồn số liệu, phương pháp lấy mẫu, số lượng và phân bố mẫu, phương pháp xử lý thống kê);

e) Tính chuẩn xác và sự phù hợp của các phân tích, đánh giá và kết luận, đề xuất. Tính khả thi và hữu ích của các đề xuất từ kết quả điều tra.

f) Kết luận chung về kết quả dự án điều tra cơ bản đã hoàn thành và kiến nghị.

4. Thời gian thẩm định không vượt quá 30 ngày làm việc sau khi xem xét hồ sơ đủ điều kiện.

Điều 23. Nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản; kết quả chỉnh sửa bổ sung báo cáo kết quả điều tra cơ bản của đơn vị tư vấn, nếu đủ điều kiện, cơ quan quản lý dự án ra quyết định nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản.

Điều 24. Quản lý kinh phí điều tra cơ bản

1. Kinh phí điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT do ngân sách Nhà nước cấp trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc quản lý cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí điều tra cơ bản ngành nông nghiệp và PTNT được thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Kinh phí quản lý dự án điều tra cơ bản được lập và duyệt cùng với kinh phí điều tra cơ bản theo các quy định hiện hành.

Điều 25. Quyết toán dự án điều tra cơ bản

1. Hàng năm, các đơn vị được giao dự toán thực hiện dự án điều tra cơ bản căn cứ kế hoạch được giao và kết quả nghiệm thu dự án hoặc kết quả nghiệm thu giai đoạn (đối với những dự án thực hiện trong nhiều năm) lập quyết toán kinh phí và tổng hợp vào quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị và báo cáo về Tổng cục (đối với dự án do Tổng cục quản lý) hoặc về Bộ (đối với các dự án do các Cục/Vụ thuộc Bộ quản lý) để thẩm tra phê duyệt quyết toán năm.

2. Các dự án hoàn thành sau khi đã chỉnh sửa theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định, nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản; có xác nhận đã nộp đủ hồ sơ tài liệu điều tra cơ bản của các đơn vị được giao nhận quản lý hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 26 của Quy định này, mới được xem xét phê duyệt quyết toán hoàn thành.

3. Vụ Tài chính chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán năm và quyết toán hoàn thành các dự án điều tra cơ bản do các Cục, Vụ quản lý; Thẩm định quyết toán của 3 Tổng cục.

Chương VI

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ BẢN

Điều 26. Giao nộp tài liệu kết quả điều tra cơ bản

1. Sau khi có quyết định nghiệm thu kết quả dự án điều tra cơ bản, đơn vị tư vấn căn cứ vào yêu cầu sản phẩm giao nộp ghi trong đề cương đã phê duyệt và Hợp đồng kinh tế để xuất bản và giao nộp tài liệu kết quả điều tra cơ bản (gồm cả bản in giấy và bản file ghi trên đĩa CD) về Cơ quan quản lý dự án.

2. Cơ quan quản lý dự án chuyển 01 bộ tài liệu kết quả điều tra đến Vụ Kế hoạch để quản lý, theo dõi và tổng hợp chung; 01 bộ đến Trung tâm Tin học và Thống kê để công bố, lưu trữ. Cơ quan quản lý dự án lưu trữ, cung cấp và hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị cần thiết (địa phương, Bộ ngành liên quan) có yêu cầu khai thác sử dụng thông tin theo quy định.

Điều 27. Lưu trữ và sử dụng tài liệu điều tra cơ bản

1. Tài liệu kết quả điều tra cơ bản là nguồn tài nguyên thông tin quý phải được lưu trữ, quản lý, khai thác có hiệu quả bằng công nghệ thông tin tại Trung tâm Tin học và Thống kê. Trung tâm Tin học và Thống kê có nhiệm vụ đưa kết quả các dự án điều tra cơ bản vào lưu trữ trong kho dữ liệu của Bộ và hỗ trợ người dùng truy cập khai thác theo quy định.

2. Các tài liệu điều tra cơ bản có nhu cầu sử dụng rộng rãi, đơn vị quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xuất bản gửi Vụ Kế hoạch để tổng hợp bố trí kinh phí thực hiện.

Điều 28. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân nào có hành vi vi phạm các quy định của Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

